

Liệu có giữ được bản sắc dân tộc về đào tạo đại học trong hội nhập quốc tế?

PHẠM CHÍ DŨNG

Tại sao lại cần đặt vấn đề về bản sắc dân tộc đối với hoạt động đào tạo đại học trong bối cảnh hội nhập quốc tế? Liệu phạm trù này – vốn là một thành phần của bản sắc văn hóa dân tộc và do đó cần được giữ gìn và phát huy – có trở thành bảo thủ và mâu thuẫn với trào lưu mở cửa, tiếp nhận những yếu tố mới từ bên ngoài?



Trong bối cảnh VN gia nhập WTO, thực trạng hoạt động đào tạo tại nhiều trường đại học ở nước ta đang diễn ra hàng loạt mâu thuẫn nội tại mà có thể cản trở rất nhiều đối với sự nghiệp giáo dục chung. Đó là tình cảnh mông lung về triết lý giáo dục; về tình trạng thương mại hóa đã và đang diễn ra quá sớm và quá nhanh ở nhiều trường đại học; là chủ trương đào tạo lấy sinh viên làm trọng tâm đang chỉ được gọi ra như một biểu tượng chứ chưa phải là một mục đích thiết thân, về làn sóng xâm nhập của các trường nước ngoài và việc chương trình đào tạo của nhiều trường trong nước đang bị du nhập hóa bởi

nhiều sắc tố của nước ngoài trong khi các yếu tố lịch sử, địa lý, văn học và những môn học liên quan đến đạo lý truyền thống của VN đang bị xao lãng dần; hoặc cả dự cảm về cuộc cạnh tranh sôi nổi và ít có khả năng khoan nhượng giữa các trường đại học trong nước với nhau và với trường nước ngoài; trong khi hoạt động định hướng, xây dựng và triển khai chính sách vĩ mô, điều tiết hoạt động đào tạo, bảo hộ trường trong nước... của Bộ GD&ĐT vẫn hầu như chưa đáp ứng được yêu cầu trong tình hình mới...

Những mâu thuẫn và bất cập nội tại trên đang trực tiếp tiếp và gián tiếp tác động đến bản sắc chung của nền

giáo dục VN và đối với bản sắc riêng của từng trường đại học. Tham khảo kinh nghiệm các nước khác, chúng ta có thể thấy những quốc gia tương đối gần gũi với nước ta về mặt địa lý là Nhật, Hàn Quốc đã thực thi chính sách giữ gìn văn hóa và bản sắc văn hóa của đất nước họ ngay từ giai đoạn đầu giao thoa quốc tế (như chính sách và thái độ giữ gìn ngôn ngữ), vì thế cho đến nay mặc dù đã phải chịu sự chi phối của các quy luật thị trường trong hầu hết các lĩnh vực, cũng như đã phải nhận những hệ quả tất yếu của thị trường về mặt kinh tế và xã hội, nhưng ngoài việc trở thành những quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người từ trung bình đến cao, yếu tố đạo lý và văn hóa vẫn được duy trì không chỉ về mặt khái niệm, đặc biệt trong môi trường giáo dục và tại các trường đại học tại các quốc gia này. Đối với Trung Quốc, sau một thời gian gấp rút hòa nhập với trào lưu hội nhập quốc tế, nhiều trường đại học cũng đang bắt đầu rút ra bài học riêng cho mình, với kết quả là một chủ thuyết lý luận về xã hội hài hòa giữa tăng trưởng và phúc lợi đang ra đời tại nước này. Riêng với giáo dục, chủ thuyết này thể hiện cụ thể qua việc 150 triệu trẻ em ở nông thôn sẽ không phải mất tiền khi đến trường; ở một khía cạnh khác, Trung Quốc đã có được những trường đại học lớn mang tầm cỡ khu vực như ĐH Thượng Hải, ĐH Thanh Hoa.

Do vậy, thiết nghĩ đặt vấn đề về bản sắc dân tộc trong đào tạo ở nước ta không phải là một thứ luận điểm cứng nhắc hoặc kinh viện, mà là thật sự cần kíp. Vì nếu không cẩn thận, chúng ta sẽ mất ngay trên sân nhà không chỉ về thị phần đào tạo mà còn tự hủy hoại dần những gì riêng có của mình trong vòng xoáy lợi nhuận và những ảo ảnh hưởng ngoại.

Như vậy, trong mối quan hệ hội nhập quốc tế về đào tạo, bản sắc dân tộc của các trường đại học VN cần bảo đảm được các giá trị đào tạo, giá trị kinh tế, giá trị văn hóa. Nhưng những giá trị này không phải thuần túy mang tính trừu tượng mà cần được thể hiện cụ thể bởi một số yếu tố sau:

Quan điểm hợp tác

1. Việc hợp tác phải mang lại những quyền lợi thiết thực cho trường trong nước trong mối quan hệ cân bằng với quyền lợi chung của xã hội.

Giáo dục và đào tạo là một sự nghiệp chung của quốc gia, là lợi ích của toàn thể các trường học và người học. Vì thế, không thể có sự tách rời và phân tán giữa các trường, cũng không thể lấy thị trường là thước đo duy nhất cho hoạt động đào tạo, mà từ đó dẫn đến tình trạng cát cứ về quyền lợi của mỗi trường.

Hội nhập quốc tế là một vận hội lớn cho các trường đại học tham gia vào môi trường đào tạo của thế giới, nhưng cũng đón nhận làn sóng cạnh tranh tất phải xảy ra khi khối trường đại học trong nước phải đối mặt với nguy cơ cạnh tranh cao từ các trường nước ngoài. Trong khi đó, tình trạng phổ biến vẫn diễn ra là nhiều trường đại học trong nước, kể cả những trường là thành viên của một trường đại học mẹ, thiếu sự quan tâm và điều phối lẫn nhau về các nguồn lực.

Hoạt động liên kết đào tạo là một minh chứng điển hình cho mối quan hệ khấp khiễng giữa quyền lợi mỗi trường và quyền lợi chung sự nghiệp đào tạo. Nhằm tìm ra cho mình một con đường ngắn nhất để nâng cao uy tín trong nhận thức sinh viên và qua đó tối đa hóa việc thu hút học phí từ người học, khá nhiều trường đại học đã chọn con đường liên kết bán phần, thậm chí tự nguyện trở thành vệ tinh, cơ sở cho trường nước ngoài, chỉ làm nhiệm vụ tuyển sinh viên đi du học toàn phần ở nước ngoài. Hình thức du học tại chỗ – có thể tiết kiệm được ngoại tệ và hạn chế được nạn chảy máu chất xám do sinh viên VN du học nước ngoài không trở về nước làm việc – đã chỉ được phác họa như một mô hình mang tính lý thuyết mà chưa đi vào triển khai thực tiễn. Để xảy ra điều đó, có thể nói một số trường trong nước đã gián tiếp và phần nào hỗ trợ cho dòng chảy ngoại tệ và chất xám tuôn chảy mạnh hơn từ nội địa ra thị trường quốc tế. Điều này hoàn

toàn được chứng minh trong thực tế khi số lượng chương trình liên kết đào tạo và du học toàn phần chiếm tỷ lệ áp đảo so với số dự án du học tại chỗ.

Nội dung đào tạo hay việc đào tạo cái gì cho người học cũng là một minh họa không kém rõ nét cho mối quan hệ về quyền lợi riêng và chung. Theo một số kết quả khảo sát đã được ngành giáo dục công bố, tình hình học sinh và kể cả sinh viên yếu kém về những môn học cơ bản như văn, sử, địa, triết học và kinh tế chính trị học ngày càng tăng cao đến mức báo động, thì những môn học này lại đang có nguy cơ bị nhòa nhạt hoặc bị triệt tiêu trong một số trường – những nơi chỉ muốn dồn lực vào đào tạo những môn học tiếp cận ngay với nhu cầu tìm việc, mang tính thực hành cao đối với sinh viên như ngoại ngữ, tin học, quản trị kinh doanh, hoặc theo khuynh hướng thực dụng với những môn học “thời thượng”..., mà không muốn tiếp tục hoặc chỉ tiếp tục một cách miễn cưỡng các chương trình đào tạo các môn học đại cương, cơ bản. Kết quả là, người ta có thể cho ra lò những cử nhân nói giỏi hai ngoại ngữ nhưng lại không viết nổi một bài luận cho ra hồn bằng tiếng Việt.

Hoặc, liệu nền đào tạo chung của xã hội có trở thành một bản sắc văn hóa khi mà trong chính môi trường văn hóa ấy lại diễn ra một sự cạnh tranh gay gắt và thiếu không khí lành mạnh? Mặc dù không thể phủ nhận tính chất cạnh tranh cần phải có trong thị trường, nhưng nếu như để yếu tố cạnh tranh cùng tất cả những gì đối chọi xâm nhập vào giảng đường, liệu người dạy còn có thể mang lại hiệu quả truyền đạt như mong muốn đối với người học, hay trong nhận thức của sinh viên sẽ xuất hiện sự coi thường về vai trò của người dạy?

Vì thế, những nhà giáo có trách nhiệm xã hội cần xem xét quyền lợi của trường mình trong mối quan hệ tổng thể với mục đích phát triển nhân văn của xã hội. Quan niệm này không nhất thiết phải tăng số lượng đơn vị học trình cho các môn học đại cương, hoặc

tiến hành việc giảng dạy những môn học này theo kiểu phong trào, mà cần thay đổi phương pháp truyền đạt, sao cho người học cảm thấy đó là những môn học liên quan thiết thân đến kiến thức của họ đối với cuộc sống, đồng thời có thể giúp họ xử lý được những tình huống trong đời thường và trong môi trường công việc.

2. Hạn chế tối thiểu quan điểm hợp tác nhằm tăng nguồn thu và lợi nhuận cho trường.

Bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế về đào tạo đại học cũng thể hiện qua việc cần hạn chế quan điểm chạy theo lợi nhuận trong các chương trình liên kết đào tạo, vì khuynh hướng này không những không hỗ trợ sinh viên về kiến thức thực chất và kể cả văn bằng thực chất mà còn mâu thuẫn với chủ trương nhà trường lấy người học làm trọng tâm. Quan điểm chạy theo lợi nhuận sẽ hướng trường đại học đến việc coi sinh viên là một thứ hàng hóa thuần túy, hoặc một thứ hàng hóa đặc biệt, và mối quan hệ giữa nhà trường và sinh viên cũng chỉ đơn thuần là quan hệ mua bán.

Trong khi đó, quan điểm đào tạo lấy sinh viên làm trọng tâm xem sinh viên là đối tượng mà nhà trường phải có trách nhiệm phục vụ. Trách nhiệm này không chỉ mang tính cục bộ của nhà trường do sinh viên là người đóng học phí, hoặc là một loại “khách hàng đặc biệt”, mà đó còn là trách nhiệm mang tính xã hội cao, đào tạo ra những con người và những nhân cách để đến lượt họ sẽ là những nhân tố phục vụ lại xã hội, trong đó có trường đại học.

3. Việc hợp tác phải hướng đến tính công bằng về quyền lợi và trách nhiệm giữa trường trong nước và trường nước ngoài.

Bản sắc dân tộc trong quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo mặc dù dựa trên nguyên tắc bảo vệ những giá trị vật chất và tinh thần của dân tộc, mà trong trường hợp liên kết đào tạo là bảo vệ tính chủ quyền và quyền lợi về kinh tế của đối tác VN, nhưng cũng phải xem xét đến khía cạnh đạo lý trong mối quan

hệ song phương này. Đó là nguyên tắc trao đổi cân bằng về quyền lợi và trách nhiệm giữa đối tác VN và đối tác nước ngoài, làm sao để trường VN không chỉ thiên về tiếp nhận quyền lợi mà còn có khả năng tạo ra và phát triển quyền lợi cho đối tác nước ngoài (như việc quảng bá hình ảnh trường nước ngoài), dựa trên việc so sánh và dung hòa những lợi thế so sánh giữa hai bên đối tác. Cũng qua cân cân về lợi thế so sánh, đối tác VN sẽ có trách nhiệm hơn đối với chương trình, dự án hợp tác (như qua yếu tố vốn đối ứng và trách nhiệm về đào tạo cán bộ, chuyên viên thay thế, tự đổi mới chương trình đào tạo và cơ sở kỹ thuật - công nghệ...). Với nguyên tắc cân bằng về quyền lợi này, mối quan hệ hợp tác sẽ có tính bền vững cao, chương trình hợp tác sẽ kéo dài đáng kể về tuổi thọ, và những nguồn lực mà đối tác VN có thể tiếp nhận trong tương lai được xem là rất khả quan.

Phương thức đào tạo

1. Khuyến khích du học tự túc nhưng ưu tiên phương thức đào tạo tại chỗ, đào tạo từ xa để hạn chế chảy máu chất xám và chảy máu ngoại tệ.

Đây là một yếu tố thể hiện rõ bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế về đào tạo, vì cho tới nay, qua khoảng mười năm xuất hiện các loại hình du học, VN đã đủ thời gian và kinh nghiệm để rút ra bài học như Malaysia hoặc một số quốc gia khác về sự cần thiết phải hạn chế tình trạng chảy máu chất xám và chảy máu ngoại tệ qua việc tăng cường mở các loại hình du học tại chỗ và du học từ xa, khuyến khích sinh viên VN học tại các cơ sở đào tạo trong nước với chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn quốc tế và vẫn nhận được văn bằng tốt nghiệp của những trường đại học có uy tín của nước ngoài.

2. Hạn chế những phương thức đào tạo thiên về hình thức và thu học phí, lợi nhuận.

Đó là phương thức du học toàn phần ở nước ngoài. Hoặc, một hiện tượng nổi lên trong những năm gần đây là một số trường quá chuyên chú vào

việc quảng bá chất lượng đào tạo theo hướng quốc tế của mình để nhắm đến việc thu học phí cao, hoặc rất cao so với mặt bằng học phí bình quân trong nước. Khuynh hướng này cũng thể hiện ngay ở một vài cơ sở đào tạo theo phương thức du học tại chỗ, với học phí không thua kém mấy so với mức học phí mà sinh viên phải trang trải nếu ra nước ngoài học tập; và phần nào đã gây ra tác dụng ngược đến chủ trương khuyến khích du học tại chỗ.

Nguồn nhân lực

1. Tự chủ về nguồn nhân lực:

Cùng với các yếu tố chương trình đào tạo, kỹ thuật - công nghệ, nguồn nhân lực là yếu tố rất quan trọng, giúp cho trường đại học có được thế đứng độc lập và tự chủ trong quan hệ hợp tác với trường nước ngoài, hạn chế được tình trạng bị phụ thuộc hoàn toàn hoặc phụ thuộc bộ phận vào giáo viên, chuyên gia, và do đó vào nội dung giảng dạy của nước ngoài. Nâng cao được tính tự chủ về nguồn nhân lực cũng giúp cho chương trình, dự án hợp tác mang tính bền vững hơn nhiều.

2. Có khả năng đào tạo đội ngũ giáo viên và chuyên viên VN để dần thay thế chuyên gia, giáo viên nước ngoài.

Đây là yếu tố thể hiện rõ bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế về đào tạo, vì việc tự chủ về nguồn nhân lực chỉ có ý nghĩa khi trường đại học VN có kế hoạch và triển khai được kế hoạch đào tạo đội ngũ giảng viên, chuyên viên có trình độ và năng lực quản lý, nhằm thay thế dần đội ngũ giáo viên, chuyên gia người nước ngoài qua các giai đoạn vận hành dự án hợp tác. Khi đó, nguồn nhân lực sẽ trở thành yếu tố nội sinh và có tính tự chủ cao đối với đối tác VN và sẽ hạn chế đáng kể sự lệ thuộc vào đối tác nước ngoài. Mặt khác, việc tự chủ về nguồn nhân lực cũng củng cố thêm lợi thế so sánh cho trường đại học VN trong mối quan hệ lâu dài và bền vững với trường nước ngoài.

Sinh viên tốt nghiệp

1. Có trình độ, năng lực tổ chức công việc; đồng thời nâng cao tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có thiện chí làm việc cho đơn vị trong nước.

Một hiện tượng được coi như vấn nạn hiện nay là một tỷ lệ đáng kể sinh viên du học ở nước ngoài không trở về nước sau khi tốt nghiệp mà ở lại nước ngoài để làm việc và sinh sống. Trong khi đó, cũng có một tỷ lệ lớn sinh viên tốt nghiệp trong nước (số có trình độ và khả năng) hướng đến các công ty nước ngoài tại VN. Đây cũng là tình trạng chảy máu chất xám nội tại, ngay trong nước, khiến cho nhiều doanh nghiệp và tổ chức trong nước lâm vào tình trạng khan hiếm nguồn nhân lực trẻ, làm hạn chế đáng kể khả năng tồn tại và cạnh tranh của khối doanh nghiệp trong nước. Vì thế, việc tạo ra các chính sách thu hút sinh viên du học nước ngoài trở về nước làm việc, hay sinh viên tốt nghiệp trong nước làm việc cho các đơn vị trong nước là vấn đề gắn bó chặt chẽ với bản sắc dân tộc trong việc điều phối đầu ra của đào tạo.

Chương trình đào tạo

1. Bảo đảm tự đánh giá, tự thẩm định và tự đổi mới.

Hội nhập quốc tế đang đặt ra những thách thức đối với các trường đại học về chương trình đào tạo, làm sao để các trường đại học VN xây dựng được những chương trình đào tạo riêng của mình, trên cơ sở tiếp nhận có chọn lọc chương trình đào tạo của nước ngoài; không bị pha tạp, phân tán hoặc lệch hướng đào tạo bởi những môn học của nước ngoài không phù hợp với văn hóa và truyền thống đạo lý của VN.

Vì thế, yêu cầu về tự đổi mới chương trình đào tạo cần được bắt nguồn từ thái độ nghiêm túc trong tự đánh giá, tự thẩm định chương trình đào tạo của nhà trường, không phải tự đánh giá theo khuynh hướng phong trào hay thành tích mà cần xác lập một hệ thống tiêu chí khoa học về năng lực tự có của mình. Đây cũng là vấn đề bản sắc riêng của mỗi trường, phù hợp với đặc thù về chuyên ngành đào tạo của

trường, và tạo nên bản sắc dân tộc nói chung trong quá trình hội nhập.

2. Phù hợp với những điều kiện kinh tế - xã hội - văn hóa của VN, trở thành một lợi thế so sánh của trường trong nước mà đối tác nước ngoài không có được.

Nếu xây dựng được chương trình đào tạo riêng, phù hợp với các điều kiện kinh tế - xã hội và văn hóa của VN (như đáp ứng về khả năng Việt hóa chương trình đào tạo của nước ngoài, hài hòa hóa với chương trình đào tạo của VN và nâng cao khả năng truyền đạt cho sinh viên; đáp ứng những nhu cầu cấp thiết và lâu dài của các đơn vị, doanh nghiệp trong nước; hỗ trợ cho sinh viên về nhu cầu tìm việc làm phù hợp nhưng vẫn thỏa mãn cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn, sử, địa, triết học...), duy trì và phát triển các môn học truyền thống nhưng tự đổi mới về phương pháp đào tạo để có tính thực tiễn và đạt hiệu quả truyền đạt và hấp thu cao hơn, trường VN sẽ có được một lợi thế so sánh đáng kể trong hoạt động liên kết đào tạo, liên doanh đào tạo với trường nước ngoài, đặc biệt lồng trong xu hướng sinh viên nước ngoài đến VN học tập về tiếng Việt và một số môn khoa học Việt.

Công nghệ

1. Củng cố và phát triển những loại hình công nghệ là thế mạnh riêng của từng trường và là lợi thế so sánh trong hợp tác với trường nước ngoài.

Cũng như với chương trình đào tạo, công nghệ mặc dù hiện nay là một thế yếu của các trường đại học VN, nhưng nếu biết tận dụng nguồn lực sẵn có của mình, cùng với việc tiếp nhận có hiệu quả công nghệ của nước ngoài, thì đây chính là một lợi thế so sánh của trường VN và gắn kết chặt chẽ với bản sắc dân tộc về hoạt động công nghệ.

2. Tuân thủ nghiêm túc các chế định quốc tế liên quan đến vấn đề bản quyền kỹ thuật và công nghệ.

Bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế cũng đòi hỏi ý thức tôn trọng tuân thủ nghiêm túc đối với các chế

định quốc tế liên quan đến bản quyền kỹ thuật và công nghệ. Yếu tố này cũng được coi là yếu tố văn hóa trong hội nhập quốc tế, vì qua sự tôn trọng và tuân thủ đối với các chế định quốc tế, trường VN sẽ góp phần tự nâng cao trách nhiệm của mình đối với hoạt động sáng tạo, phát minh, chuyển giao nghiên cứu đến thị trường và xã hội, đồng thời tác động đến ý thức của đối tác nước ngoài về việc tuân thủ những định chế liên quan đến lĩnh vực khoa học công nghệ của VN, do đó nâng cao hơn được tính bền vững của chương trình, dự án liên kết với nước ngoài.

Nghiên cứu khoa học

Bản sắc dân tộc ở đây cũng dựa trên cơ sở sự gắn kết giữa nghiên cứu khoa học với thị trường và xã hội, đưa nghiên cứu khoa học trở thành một lợi thế so sánh trong quan hệ hợp tác với trường nước ngoài. Nếu như hiện nay vẫn còn khá nhiều công trình nghiên cứu khoa học phụ thuộc vào đối tác nước ngoài (về nguồn tài trợ, về phương pháp nghiên cứu và kể cả nội dung nghiên cứu), thì trong tương lai cần xác định nghiên cứu khoa học của trường VN phải có tính độc lập, chủ động, vượt hơn đối tác nước ngoài về khả năng xác định sản phẩm nghiên cứu phù hợp với những lĩnh vực, đơn vị nào của xã hội và thị trường VN.

Tài chính

Tự chủ về tài chính; tổ chức và phân bổ phù hợp nguồn vốn đối ứng cho những chương trình, dự án quan trọng; bố trí được nguồn tài chính phục vụ cho công tác hành chính HTQT của nhà trường.

Tự chủ về nguồn tài chính dùng cho hoạt động hành chính HTQT và cho các chương trình, dự án là mối quan tâm hàng đầu của nhiều trường đại học, và nếu đạt được mục tiêu này thì trường đại học vừa phát triển được bản sắc riêng của mình, vừa nâng cao được tính chủ quyền trong hợp tác.

Tính chủ quyền

Yếu tố chủ quyền trong quá trình

hợp tác với đối tác nước ngoài thể hiện bản lĩnh và năng lực quản lý, đối tác của trường VN. Đó là khả năng đạt trình độ quản lý chương trình, dự án ngang bằng với trình độ quản lý trung bình của đối tác nước ngoài nhằm bảo vệ những lợi ích, quyền lợi của đối tác VN trong quan hệ hợp tác, đồng thời hạn chế được những thiệt hại về kinh tế do bị đối tác nước ngoài lạm dụng hay lợi dụng.

Văn hóa và đối ngoại nhân dân

Đây là khía cạnh văn hóa trong bản sắc dân tộc, thể hiện qua việc chủ động giao kết và tạo điều kiện làm việc, sinh hoạt, tình cảm hữu nghị đối với chuyên gia, giáo viên, sinh viên nước ngoài; tạo điều kiện để một số người nước ngoài trở thành "sứ giả văn hóa" trong việc truyền bá văn hóa VN ra quốc tế.

Quản lý nhà nước

Quản lý nhà nước đóng vai trò rất quan trọng đối với việc định hướng, xây dựng và thực hiện các chính sách, quy định trong việc bảo vệ bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế về đào tạo. Đó là vai trò điều phối nguồn lực giữa các trường đại học trong nước và kể cả với các trường đại học nước ngoài hoạt động tại VN, tạo cho mỗi trường trong nước có bản sắc riêng (thông qua cơ chế giao quyền tự chủ), nhưng vẫn hỗ trợ trường trong nước về đầu tư nguồn tài chính, cơ sở vật chất và kỹ thuật công nghệ, nguồn nhân lực, chương trình đào tạo... Mặt khác, để hạn chế những tiêu cực xuất hiện ngày càng nhiều trong hoạt động đào tạo, các cơ quan quản lý nhà nước phải tăng cường kiểm tra và xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm.

Bản sắc dân tộc trong hội nhập quốc tế về đào tạo cũng thể hiện qua việc các cơ quan quản lý nhà nước cần có chính sách bảo hộ cho các trường trong nước trong quan hệ cạnh tranh với trường nước ngoài, hạn chế những trường hợp cạnh tranh không lành mạnh gây thiệt hại về kinh tế và các giá trị tinh thần cho trường trong nước ■